TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TUY HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05-7-2023.
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Thoa;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thiều Minh Trương;

Bà Lê Thị Đông Nguyệt.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Thuỳ Trân, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị L, sinh năm 1977;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1973;

Cùng cư trú tại: khu phố N, phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 08/3/2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Võ Thị L trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức D tự nguyện tìm hiểu và sống chung từ năm 1996 nhưng đến năm 2001 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp; chị và anh D đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Võ Hoài D, sinh năm 1996 và Nguyễn Võ Hoài P, sinh năm 2002. Các con đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Tại Bản tự khai, bị đơn anh Nguyễn Đức D trình bày: Anh và chị Võ Thị L kết hôn năm 2001 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay, không còn tình cảm với nhau. Nay chị L xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung như chị L trình bày. Các con đã trưởng thành, anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Do các đương sự vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều có đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Võ Thị L và bị đơn anh Nguyễn Đức D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn năm 2001 tại Uỷ ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, nguyên đơn và bị đơn sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp; nay nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn và bị đơn cũng thống nhất ly hôn. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay, không còn quan tâm đến nhau là không thực hiện đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng dẫn đến hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có hai con là Nguyễn Võ Hoài D, sinh năm 1996 và Nguyễn Võ Hoài P, sinh năm 2002. Các con đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí:

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Võ Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Đức D.

2. Về nuôi con chung: Hai con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Võ Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai số 0008106 ngày 21/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- UBND P. P, TP. T;
- Chi cục THADS TP. Tuy Hoà
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Khánh Thoa